TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

Bản án số 151/2023/HNGĐ – ST
Ngày 22/8/2023
V/v: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- bà Hà Thị Thanh Liêm.

- bà Hoàng Thanh Thúy.

Thư ký phiên tòa: ông Cầm Việt Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2023/TLST – HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2023/TB – TA, ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: chị Tòng Thị K, sinh năm 1998. Cư trú tại bản H, xã H, thành phố Sơn La. Có mặt.

- ***Bị đơn***: anh Lò Văn C, sinh năm 1992. Cư trú tại bản L, xã H, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Những Người có quyền lợi liên quan:

1. Ông Lèo Văn D, sinh năm 1977, trú tại bản L, xã H, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Ông Lò Văn L, sinh năm 1971, trú tại bản L, xã H, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Ông Lò Văn H, sinh năm 1975, trú tại bản L, xã H, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Ông Lèo Văn P, sinh năm 1983, trú tại bản L, xã H, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Ông Lò Văn M, sinh năm 1987, trú tại bản L, xã H, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

6. Ông Tòng Văn L, sinh năm 1977 và bà Tòng Thị H, trú tại bản H, xã H, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (ông L có mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị Tòng Thị K trình bày:

- Vợ chồng tôi kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn từ ngày 10/3/2016 tại UBND xã Hua La, thành phố Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống một thời gian hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C hay rượu chè, không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã được bản thân tôi và hai vợ chồng sửa chữa, khuyên giải nhưng không được, mâu thuẫn cũng được chính quyền bản, gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành, chúng tôi đã ly thân nhau từ năm 2019, trong thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, tôi kiên quyết xin ly hôn anh C.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Lò Quân B, sinh ngày 15/11/2013 và cháu Lò Hải Đ, sinh ngày 20/8/2017, tôi có nguyện vọng xin được nuôi cháu Hải Đ đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Bảo thì tôi nhất trí để cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi cũng không lấy tài sản chung mà để lại cho anh C quản lý, sử dụng.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi có vay của một số người sau:

- Ông Lò Văn H 8.000.000,đ; ông Lèo Văn P 3.000.000,đ; ông Lò Văn M 2.000.000,đ; ông Tòng Văn L 7.400.000,đ; ông Lèo Văn D 25.000.000,đ. Trong số tiền này thì vợ chồng có vay của ông L để trang trải cuộc sống của gia đình, còn các khoản vay của ông M, ông P, ông D, ông H là vay khi anh C bị tai nạn xe máy phải đi cứu chữa tại bệnh viện và số tiền này là để anh C đi chữa trị thương

tích. Toàn bộ số tiền này tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và mỗi người phải chịu trả một nửa.

Đối với số tiền vay 60.000.000,đ của ông Lò Văn L và khoản vay thêm 25.000.000,đ của ông D thì tôi không nhất trí vì tôi không hề biết gì về hai khoản vay này, tôi chỉ chấp nhận khoản vay 25.000.000,đ của ông D và đồng ý trả một nửa số tiền này, còn 25.000.000,đ còn lại của ông D thì tôi không nhất trí vì khi anh C và cháu L bị tai nạn thì gia đình tôi và người nhà cháu L đến vay có nói rõ là vay cho cả nhà tôi và nhà cháu L, mặt khác đối với các khoản vay của anh D này tôi nhất trí vay là để chữa trị cho anh C chứ không phải chữa trị cho cháu L. Còn số tiền mà anh C vay để chữa trị cho cháu L thì anh C phải có trách nhiệm tự trả nợ.

Trong bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn anh Lò Văn C trình bày:

- Về thời gian kết hôn và nơi kết hôn thì tôi nhất trí như chị K trình bày, chúng tôi đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống một thời gian hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ hay cãi ngang với chồng, hay bỏ về nhà bố mẹ đẻ, mâu thuẫn vợ chồng đã được bản thân tôi và hai vợ chồng sửa chữa, khuyên giải nhưng không được, mâu thuẫn cũng được chính quyền bản, gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành, chúng tôi đã ly thân nhau từ năm 2019, trong thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, tôi nhất trí ly hôn chị K.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Lò Quân B, sinh ngày 15/11/2013 và cháu Lò Hải Đ, sinh ngày 20/8/2017, tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Quân B và chị K được trực tiếp nuôi cháu Hải Đ, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi có vay của một số người sau:

- Ông Lò Văn H 8.000.000,đ; ông Lèo Văn P 3.000.000,đ; ông Lò Văn M 2.000.000,đ; ông Tòng Văn L 7.400.000,đ; ông Lèo Văn D là 50.000.000,đ; ông Lò Văn L 60.000.000,đ. Số tiền này tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật mỗi người trả một nửa. Đây là số tiền mà vợ chồng tôi vay để chi tiêu trong gia đình và để chi phí viện phí cho tôi và cháu L khi xảy ra tai nạn, chi phí chữa trị cho tôi là 31.000.000,đ và chi phí chữa trị cho cháu L là quá trình tôi vay mượn tiền thì hai vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau và chưa ly thân nên do đó tôi đề nghị hai vợ chồng cùng phải có trách nhiệm trả nợ theo phần bằng nhau.

Người có quyền lợi liên quan ông Lò Văn L trình bày: Trong thời gian hai vợ chồng còn chung sống, thời điểm anh C bị tai nạn, anh C có gọi điện cho tôi hỏi vay tiền để đi bệnh viện, tôi đã đồng ý và có cho vợ chồng cháu C vay số tiền 60.000.000,đ tiền gốc, khoản tiền vay này là từ lúc hai vợ chồng chưa ly thân nên đến nay các cháu ly hôn thì tôi đề nghị cả hai cháu đều phải có trách nhiệm trả nợ cho tôi số tiền trên và tôi không yêu cầu tính lãi. Khoản tiền trên là cháu C gọi điện hỏi vay tôi với mục đích là để chữa trị cho cháu C và cháu Lèo Văn L (cũng là họ hàng trong gia đình) và tôi đã đưa số tiền trên cho anh Lò Văn M là anh trai của C.

Người có quyền lợi liên quan ông Lèo Văn D trình bày: Trong thời gian hai vợ chồng còn chung sống, thời điểm anh C bị tai nạn xe máy, tôi có cho vợ chồng anh C và vay số tiền hai lần tổng cộng là 100.000.000,đ tiền gốc, khi cho vay tiền thì có 03 người gồm chị K là vợ anh C, anh M là anh trai của anh C và người nhà của cháu L đến nhà tôi nhận tiền, sau đó đã trả được 50.000.000,đ, hiện nay còn lại là 50.000.000,đ, nay các em ly hôn thì tôi đề nghị cả hai em đều phải có trách nhiệm trả nợ cho tôi số tiền trên và tôi không yêu cầu tính lãi xuất.

Người có quyền lợi liên quan ông Lèo Văn P trình bày: Trong thời gian hai vợ chồng còn chung sống, thời điểm anh C bị tai nạn, tôi có cho vợ chồng em C vay số tiền là 3.000.000,đ tiền gốc, nay các em ly hôn thì tôi đề nghị cả hai em đều phải có trách nhiệm trả nợ cho tôi số tiền trên và tôi cũng không yêu cầu tính lãi xuất.

Người có quyền lợi liên quan ông Lò Văn H trình bày: Trong thời gian hai vợ chồng còn chung sống, thời điểm anh C bị tai nạn, tôi có cho vợ chồng anh C vay số tiền là 8.000.000,đ tiền gốc, nay anh chị ly hôn thì tôi đề nghị cả hai vợ chồng đều phải có trách nhiệm trả nợ cho tôi số tiền trên.

Người có quyền lợi liên quan ông Lò Văn M trình bày: Trong thời gian hai vợ chồng còn chung sống, thời điểm anh C bị tai nạn, tôi có cho vợ chồng anh C vay số tiền là 2.000.000,đ tiền gốc, nay anh chị ly hôn thì tôi đề nghị cả hai vợ chồng đều phải có trách nhiệm trả nợ cho tôi số tiền trên và tôi không yêu cầu tính lãi xuất.

Người có quyền lợi liên quan ông Tòng Văn L trình bày: Trong thời gian hai vợ chồng còn chung sống, thời điểm trước khi anh C bị tai nạn, gia đình tôi có cho vợ chồng anh C vay số tiền là 7.400.000,đ tiền gốc để chi tiêu trong gia đình, nay anh chị ly hôn thì tôi đề nghị cả hai vợ chồng đều phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng tôi số tiền trên và chúng tôi cũng không yêu cầu phải trả tiền lãi xuất.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Giấy trích lục kết hôn (bản sao); Giấy xác nhận nơi cư trú; Căn cước công dân (bản sao); Giấy khai sinh của các con (bản sao); Biên bản hòa giải cơ sở (bản phô tô).

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Các biên bản xác minh; Biên bản ghi ý kiến con chung; Biên bản làm việc.

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phần tranh luận các đương sự đều giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 463, điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tòng Thị K, đề nghị xử cho chị Tòng Thị K được ly hôn anh Lò Văn C .

Về con chung: Đề nghị chị Tòng Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Hải Đ, sinh ngày 20/8/2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Lò Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Quân B, sinh ngày 15/11/2013 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: không có.

Về nợ chung:

- Đối với các khoản vay của các ông Lèo Văn P, Lò Văn H, Lò Văn M và Tòng Văn L, đề nghị chị K phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 4.000.000,đ, trả cho ông P 1.500.000,đ, trả cho anh M 1.000.000,đ, trả cho ông L 3.700.000,đ, tổng cộng là 10.200.000,đ; đề nghị anh C phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 4.000.000,đ, trả cho ông P 1.500.000,đ, trả cho anh M 1.000.000,đ, trả cho ông L 3.700.000,đ, tổng cộng là 10.200.000,đ.

- Đối với khoản vay của ông Lèo Văn D, đề nghị chị K phải có nghĩa vụ trả 12.500.000,đ, đề nghị anh C phải có nghĩa vụ trả 37.500.000,đ.

- Đối với khoản vay của ông Lò Văn L, đề nghị anh C phải có trách nhiệm trả toàn bộ 60.000.000,đ số tiền gốc cho ông L.

Đối với án phí ly hôn đề nghị chị K phải chịu toàn bộ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đề nghị mỗi người phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị Tòng Thị K và anh Lò Văn C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, có cư trú và công tác, lao động tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có tranh chấp về ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi liên quan bà Tòng Thị H (vợ ông L) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có sự có mặt của chồng bà H là ông L tại phiên tòa vẫn bảo đảm quyền lợi của bà H, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hôm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh C kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, hiện nay anh chị đang sống ly thân được một thời gian, mỗi người ở một nơi.

Xét thấy: Qua hai lần Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, tiếp tục cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng hai anh chị đều nhất trí thuận tình ly hôn. Trong thời gian anh chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay thì hai anh chị không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị K, xử cho chị K được ly hôn anh C.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Lò Quân B, sinh ngày 15/11/2013 và cháu Lò Hải Đ, sinh ngày 20/8/2017, chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hải Đ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo giáo dục cháu Quân B đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, cả hai anh chị đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Chị K và anh C đều là người trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân và con cái, việc anh C và chị K đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi một con chung là chính đáng, mặt khác ý kiến của cháu Quân B có nguyện vọng ở với anh C khi bố mẹ ly hôn.

Do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị, chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hải Đ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quân B đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và nhất trí sự tự nguyện của anh chị không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả hai anh chị trình bày ý kiến có một số tài sản chung nhưng cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác chị K có ý kiến không lấy tài sản chung mà để lại cho anh C quản lý, sở hữu, sử dụng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh chị có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự khác tại Tòa án khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Theo trình bày của chị K thì vợ chồng chị có số nợ chung gồm: Ông Lò Văn H 8.000.000,đ; ông Lèo Văn P 3.000.000,đ; ông Lò Văn M 2.000.000,đ; ông Tòng Văn L 7.400.000,đ; ông Lèo Văn D 25.000.000,đ, đây là khoản vay để chi tiêu trong gia đình và để chi phí điều trị cho anh C khi bị tai nạn và chị nhất trí trả một nửa số nợ trên. Đối với số nợ ông D còn lại là 25.000.000,đ và nợ ông L 60.000.000,đ thì chị không nhất trí vì khoản vay đó do anh C tự vay và để chữa trị cho cháu Lèo Văn L nên chị không đồng ý trả.

Theo trình bày của anh C thì vợ chồng anh có nợ chung gồm nợ ông Lò Văn H 8.000.000,đ; ông Lèo Văn P 3.000.000,đ; ông Lò Văn M 2.000.000,đ; ông Tòng Văn L 7.400.000,đ; ông Lèo Văn D 50.000.000,đ, ông Lò Văn L 60.000.000,đ. Anh C đề nghị cả hai vợ chồng đều phải có nghĩa vụ, trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên bằng nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng, do khó khăn về kinh tế nên hai vợ chồng anh chị có vay tiền của một số người thân trong gia đình để chi tiêu, sinh hoạt và để có chi phí điều trị khi anh C bị tai nạn xe máy. Đối với khoản vay của các ông Lò Văn H 8.000.000,đ, ông Lèo Văn P 3.000.000,đ, ông Lò Văn M 2.000.000,đ, ông Tòng Văn L 7.400.000,đ, các khoản vay này hai anh chị đều có ý kiến thỏa thuận mỗi người trả một nửa, có sự nhất trí của những người cho vay do đó cần chấp nhận ý kiến của hai anh chị về nghĩa vụ trả nợ các khoản vay trên, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số tiền gốc đã vay cho các ông H, ông P, ông M, ông L.

Đối với khoản vay ông Lèo Văn D số tiền 50.000.000,đ và khoản vay của ông Lò Văn L số tiền 60.000.000,đ, chị K chỉ thừa nhận nhất trí cùng trả số tiền 25.000.000,đ cho ông Diện, còn 25.000.000,đ còn lại của ông D cùng khoản vay 60.000.000,đ của ông L chị không đồng ý mà yêu cầu anh C phải có trách trả nợ, anh C có đề nghị cả hai anh chị cùng phải trả mỗi người một nửa. Qua điều tra xác minh nhận thấy: Thời điểm tháng 4 năm 2019 anh C do sau khi uống rượu rồi điều khiển xe máy gây và gây tai nạn, gây ra thương tích cho bản thân anh C và cháu Lèo Văn L (con anh Lèo Văn C, trú tại bản L, xã H và là họ hàng với anh C), sau khi tai nạn xảy ra thì gia đình hai bên không báo với chính quyền địa

phương và cơ quan chức năng về vụ việc tai nạn và trực tiếp đưa người bị thương đi bệnh viện cứu chữa, do có khó khăn về kinh tế không có tiền để chi phí điều trị thương tích cho bản thân anh C và cháu L nên anh C đã gọi điện vay tiền ông L và của ông D, tuy nhiên đối với khoản vay của ông L thì anh anh C chưa có sự bàn bạc, thống nhất với chị K mặt khác việc anh C thỏa thuận, thống nhất với gia đình cháu L về chi phí điều trị thương tích cho cháu L cũng không có sự bàn bạc, trao đổi, thống nhất với chị K. Khi tai nạn xảy ra phải đưa cháu L đi bệnh viện cứu chữa thì chi phí hết khoảng 131.000.000,đ, gia đình cháu L bỏ ra một phần ba số tiền để chi phí, hai phần còn lại là anh C bỏ ra để chi phí cứu chữa cho cháu L. Nhận thấy việc anh C vay tiền của ông L và anh D để điều trị thương tích cho bản thân và tự nguyện thống nhất chi trả một phần tiền điều trị thương tích cho cháu L là sự tự nguyện, thỏa thuận, thống nhất giữa anh C, ông L, ông D và gia đình cháu L. Nguyên nhân của việc anh C đã thỏa thuận, thống nhất chi trả hai phần ba chi phí cứu chữa cho cháu L cũng do một phần lỗi của anh C gây ra tai nạn với cháu L, do đó cần buộc anh C phải có trách nhiệm trả nợ đối với khoản nợ 60.000.000,đ của ông L và trả 37.500.000,đ cho ông D, chấp nhận ý kiến của chị K trả một nửa số tiền 25.000.000,đ trong khoản nợ của ông D là 12.500.000,đ.

[8] Về án phí: Chị Tòng Thị K phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và phải chịu phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 463, điều 466 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Xử cho chị Tòng Thị K được ly hôn anh Lò Văn C .

2. Về con chung:

- Chị Tòng Thị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Hải Đ, sinh ngày 20/8/2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Anh Lò Văn C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Quân B, sinh ngày 15/11/2013 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Chị K, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung:

Chị Tòng Thị K phải có trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ cho:

- Ông Tòng Văn Long và bà Tòng Thị Hôm 3.700.000,đ (Ba triệu, bảy trăm ngàn đồng).

- Ông Lò Văn Hóa 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng).

- Ông Lèo Văn Phái 1.500.000,đ (Một triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Ông Lò Văn Mòn 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

- Ông Lèo Văn Diện 12.500.000,đ (Mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Tổng cộng là 22.700.000,đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Anh Lò Văn C phải có trách nhiệm, nghĩa vụ trả cho:

- Ông Tòng Văn Long và bà Tòng Thị Hôm 3.700.000,đ (Ba triệu, bảy trăm ngàn đồng).

- Ông Lò Văn Hóa 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng).

- Ông Lèo Văn Phái 1.500.000,đ (Một triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Ông Lò Văn Mòn 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

- Ông Lèo Văn Diện 37.500.000,đ (Ba mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Ông Lò Văn Liên 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng).

Tổng cộng là 107.700.000,đ (Một trăm linh bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng).

6. Về án phí:

- Chị Tòng Thị K phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 1.135.000,đ (Một triệu, một trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được trừ 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu; quyển số 054, số AA/2021/0002676, ngày 26/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Chị Kim phải nộp tiếp 1.135.000,đ (Một triệu, một trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

- Anh Lò Văn C phải chịu 5.385.000,đ (Năm triệu, ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Nguyên đơn chị Tòng Thị; bị đơn anh Lò Văn C ; Những người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/8/2023); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Lương Anh

Nơi gửi:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- UBND xã H, thành phố Sơn La (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Những người có QLLQ;
- Lưu HS; AV;